

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Thân

2. Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 102/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: LN, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: LN, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hà T, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/01/2003. Cuộc sống vợ chồng luôn nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống và chuyện làm ăn kinh tế gia đình. Từ tháng 10/2006 đến

nay vợ chồng sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị L khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Mai C, sinh ngày 16/6/2005. Hiện tại cháu C đang ở với chị L. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi cháu C và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 800.000 đồng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/9/2017, bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/01/2003. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến giữa năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và chuyện làm ăn kinh tế dẫn đến lời qua tiếng lại. Từ tháng 10/2006 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh L đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Anh L khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Mai C, sinh ngày 16/6/2005. Hiện tại cháu C đang ở với chị L. Anh L đồng ý để chị L trực tiếp nuôi cháu C, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L cũng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt mà không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L và anh L là phù hợp với quy định tại điểm a, b, khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên chửi mắng lẫn nhau. Từ tháng 10/2006 đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị L và anh L ly hôn là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L thừa nhận vợ chồng có một con chung, cháu tên là Nguyễn Mai C, sinh ngày 16/6/2005. Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu C là con chung của chị L và anh L. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu C do chị L nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu C cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, giao cháu C cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chị L yêu cầu phù hợp với nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng cháu trung bình ở địa phương nên được chấp nhận toàn bộ.

[4]. Về tài sản: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 6; khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Công nhận chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn L có một con chung, cháu tên là Nguyễn Mai C, sinh ngày 16/6/2005. Giao cháu C cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng là 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Anh L có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị L có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con, nếu chưa thi hành án, anh L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004731 ngày 05/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Lê Văn Hồng